

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2023/HS-PT

Ngày: 14/4/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Minh Tuấn;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Ông Trần Xuân Thảo.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Lê Giang - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Ngọc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh C, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 172/2023/TLPT-HS ngày 21 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo Lê Văn P cùng các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh C.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Văn P** sinh ngày 04/6/1995 tại xã A, huyện B, tỉnh C; nơi thường trú: Thôn E, xã A, huyện B, tỉnh C; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 08/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D và bà Quách Thị K; có vợ là Lê Anh T (sinh năm 2000) và có 01 con (sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/8/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

2. **Lê Văn T1** sinh ngày 02/10/2003 tại xã A, huyện B, tỉnh C; nơi thường trú: Thôn Nguyệt E1, xã A, huyện B, tỉnh C; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T2 và bà Phạm Thị N; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/8/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

- *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:* **Lê Văn T3** sinh ngày 26/02/2004 tại xã A, huyện B, tỉnh C; nơi thường trú: Thôn E2, xã A, huyện B, tỉnh C; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Mường; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S và bà Bùi Thị N1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/8/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

- *Bị cáo bị kháng nghị:* **Lương Tuấn N2** sinh ngày 06/4/2004 tại xã A1, huyện B, tỉnh C; nơi thường trú: Làng F, xã A1, huyện B, tỉnh C; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Xuân Q và bà Bùi Thị T4; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

- *Những người bào chữa cho các bị cáo:*

1. Người bào chữa cho bị cáo Lương Tuấn N2: Bà Nguyễn Thị Ngọc T5 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn P: Bà Nguyễn Thị Q1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

3. Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T3: Bà Lê Thu H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

4. Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T1: Bà Lê Thị P - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C; có mặt.

- *Bị hại không có kháng cáo (không triệu tập đến phiên tòa):* Anh Lê Hữu T6 sinh năm 2002; trú tại: Thôn E4, xã A, huyện B, tỉnh C.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại không có kháng cáo (không triệu tập đến phiên tòa):* Ông Lê Hữu H1 sinh năm 1972 và bà Lê Thị Đ sinh năm 1978 (là bố, mẹ đẻ của anh Lê Hữu T6); cùng trú tại: Thôn E4, xã A, huyện B, tỉnh C.

- *Người đại diện theo ủy quyền của gia đình bị hại không có kháng cáo (không triệu tập đến phiên tòa):* Ông Lê Bá D sinh năm 1963; trú tại: Thôn E4, xã A, huyện B, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 25/10/2021, Lường Đ3 L (sinh năm 2003, trú tại làng F, xã A1, huyện B, tỉnh C) cùng với Lê Hữu T6 và Bùi Thanh Đ1 (sinh năm 2004, cùng trú tại thôn E4, xã A, huyện B) đến quán Karaoke X ở thôn E3, xã A, huyện B để hát.

Tại đây, L, Đ1, T6 gặp Lê Văn Đ2 (sinh năm 1993, trú tại thôn E3 và là chủ quán), Lê Văn P, Lê Văn Đ3, Lê Văn T1, Lê Văn T3, Lương Tuấn N2 và Bùi Văn V (sinh năm 2005, trú tại thôn E5, xã A) đang uống rượu nên L, Đ1, T6 ngồi uống rượu cùng. Uống rượu xong, L, Đ1, T6 lấy phòng vào hát karaoke. N2, T1, T3, V đi về nhà N2 ngủ; còn Đ2, P, Đ3 ngồi uống nước ở quán.

Trong lúc hát karaoke, Đ1 mượn thắt lưng của L nhưng L không cho nên hai bên xảy ra xô xát đánh nhau, chạy ra khỏi phòng hát. Thấy đánh nhau anh Đ2, Đ3, P vào can ngăn. T6 túm cổ áo xô đẩy P, Đ3 không cho can ngăn nên P, Đ3 xô xát với T6. T6 to tiếng thách thức, P chạy vào phía trong quán lấy một con dao định đánh T6 nhưng anh Đ2 chủ quán can ngăn nên P bỏ dao xuống.

Sau đó, P, Đ3 đi cùng một xe máy ra đường đợi T6 về để phục đánh (vị trí đứng đợi cách quán Karaoke X 158,5m). P, Đ3 đi tìm gậy, Đ3 nhặt một gậy gỗ dạng cành cây vôi đưa cho P, Đ3 cầm một đoạn gậy 3 khúc (gậy baton), rồi đứng chờ T6 ra để đánh.

Sau khi bị Đ1 đánh tại quán X, L nhận tin và gọi cho N2 (là anh họ của L) nói về việc bị Đ1 đánh ở quán X và nhờ N2 đến để đánh Đ1. Lúc này, N2 đang ở nhà cùng với T1, T3, V nên N2 nói với mọi người, rồi rủ T1, T3, V đi cùng. N2 cầm theo một con dao dài khoảng 50cm, dắt dao vào ống tay áo. T1 điều khiển xe máy chở theo N2, T3 đi một xe máy chở theo V. Nhóm của N2 đi đến thôn E3, xã A thì gặp P, Đ3 đang đứng chờ bên đường. Nhóm của N2 dừng lại hỏi Đ1 đang ở đâu, P, Đ3 nói chờ tí đang xuống.

Thấy P, Đ3 cầm gậy trên tay nên T1, T3 lại đồng cũi bên đường nhặt mỗi người một đoạn gậy (dạng cành cây vôi) cầm trên tay. Sau khi chuẩn bị hung khí xong, cả nhóm cùng nhau đi lại ngã ba đường rẽ vào quán X (cách vị trí quán X là 91m) để đợi T6, Đ1 ra để đánh.

Khoảng 10 phút sau, L điều khiển xe máy đi trước, T6 điều khiển xe máy chở theo Đ1 ngồi sau đi từ quán X ra. Thấy T6, P đứng ra đường chặn xe của T6 rồi đập 02 cái vào hông, dùng gậy đập một cái ngang ngực T6 làm T6 ngã nghiêng xuống đất, xe máy đè lên chân của T6, Đ1; P đập tiếp một cái vào lưng, đá vào người T6. T1, T3 lao vào đám, đá Đ1; sau đó dùng gậy đánh liên tiếp nhiều cái vào người T6. Đ3 chạy lại vung gậy baton (gậy sắt rút 3 khúc) đánh T6 nhưng không trúng thì bị rơi đoạn đầu của gậy ra. N2 chạy lại cầm dao đập 2 cái vào người Đ1, đá Đ1 một cái, quay sang thấy mọi người đang đánh T6, N2 dùng chân phải đá hai cái vào vùng lưng của T6. Lúc này, L lại đá vào lưng của Đ1, sau đó L cùng với V can ngăn mọi người không cho đánh T6 nữa. L, V đỡ T6 và Đ1 đứng dậy, sau đó cả nhóm bỏ về. Đ1 đi xe máy chở T6 ngồi sau về nhà T6 ở thôn E4, xã A.

- Khám nghiệm hiện trường:

+ Hiện trường thứ nhất được xác định tại quán Karaoke X, ở thôn E3, xã A, huyện B. Quán karaoke có cổng hướng Đông, bên trong sát tường phía Nam là

chỗ để xe của khách. Phía Bắc là quầy thu ngân, tiếp giáp quầy thu ngân về phía Tây là dãy phòng hát, gồm 3 phòng hát. Tiếp giáp khu vực để xe về phía Tây là khu vực để đồ, tiếp giáp dãy phòng hát về phía Tây là khu vệ sinh. Tại phòng hát đầu tiên (từ Đông sang Tây) được xác định là phòng hát mà L, T6, Đ1 ngồi hát và xảy ra mâu thuẫn, xô xát đánh nhau.

+ Hiện trường thứ hai được xác định là hiện trường chính của vụ án là đoạn đường dân sinh, tiếp giáp với đường liên xã, thuộc thôn E3, xã A, huyện B. Đường rộng 3,07m, mặt đường đổ bê tông bằng phẳng.

- Thương tích của bị hại Lê Hữu T6:

+ Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể lập hồi 10h ngày 01/11/2021 tại Khoa phẫu thuật thần kinh lồng ngực Bệnh viện đa khoa tỉnh C thể hiện Lê Hữu T6 bị các vết thương: Sưng nề tụ máu dưới da đầu kích thước 4 x 3cm vùng thái dương đỉnh bên trái; liệt $\frac{1}{2}$ người bên phải, hôn mê chi giác 6 điểm;

+ Tóm tắt Bệnh án điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh C: Chấn thương sọ não, tụ máu ngoài màng cứng vùng trán đỉnh hai bên kích thước 65 x 88 x 113mm, xung quanh phù não, gây hiệu ứng đè đẩy nhu mô não lân cận và sừng trán não thất bên trái. Vỡ xương trán đường vỡ lan qua khớp trán đỉnh.

- Các kết luận giám định:

+ Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 865/2021/TTPY ngày 30/12/2021, Trung tâm Pháp y tỉnh C kết luận: Tại thời điểm giám định pháp y về thương tích, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Lê Hữu T6 được tính theo P pháp xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 87%.

+ Bản kết luận giám định pháp y về cơ chế hình thành thương tích số 866/2021/TTPY ngày 30/12/2021 đánh giá cơ chế hình thành thương tích cụ thể trên cơ thể Lê Hữu T6 như sau: Sưng nề tụ máu dưới da đầu, kích thước 4x3cm. Do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật tày hoặc vật tày có cạnh. Gây chấn thương sọ não, tổn thương tụ máu ngoài màng cứng vùng trán đỉnh hai bên, vỡ xương trán đường vỡ lan qua khớp trán đỉnh. Đã được xử lý phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não; hiện còn di chứng sẹo mổ xử lý chấn thương sọ não đường liên thái dương đỉnh hai bên, sẹo mổ nội khí quản, T6 nhớ giảm, rối loạn hành vi, khó tiếp xúc, không tự đi lại được, đại tiểu tiện không tự chủ, thất ngôn, liệt nửa người bên phải mức độ nặng, hình ảnh ổ khuyết xương sọ lớn vùng trán đỉnh hai bên, kích thước ổ khuyết lớn hơn 10cm, đáy ổ khuyết phẳng phồng, chưa ghép sọ.

Đối với khúc gỗ cây vải có đặc điểm như mô tả tại Quyết định trưng cầu giám định, nếu sử dụng làm vật gây thương tích thì hoàn toàn gây ra được thương tích cho Lê Hữu T6 như đã ghi nhận tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể vào hồi 10h00 phút ngày 01/11/2021 tại Khoa phẫu thuật thần kinh, lồng ngực Bệnh viện đa khoa tỉnh C.

Tại thời điểm giám định pháp y về cơ chế hình thành thương tích về việc xác định vật gây thương tích: Không đủ chứng cứ khoa học và các dữ liệu khách quan để xác định chính xác chiều hướng tác động và lực tác động của vật gây thương tích;

Tình trạng hiện nay của Lê Hữu T6: Không nhớ gì về nội dung vụ án, cười nói không kiểm soát, sức khỏe yếu, sinh hoạt cá nhân phụ thuộc người khác giúp đỡ, đang chờ để cấy ghép một phần hộp sọ;

- Vật chứng: 01 đoạn gậy gỗ dài 78cm, đường kính 04cm, một đầu có vết cắt bằng, một đầu có vết bẻ gãy, gậy là cành cây vải, có vỏ cây sần sùi, do ông Vũ Văn T7, sinh năm 1962, trú tại thôn E3, xã A nhặt được tại hiện trường giao nộp cho Cơ quan điều tra; 01 gậy baton bằng kim loại, tay cầm bọc mút màu đen, gậy dài 45cm, tay cầm dài 24cm (gậy có 02 khúc) do Lê Văn Đ3 giao nộp.

- Về phần dân sự: Ông Lê Bá D là người được gia đình bị hại ủy quyền đề nghị bồi thường số tiền 500.000.000 đồng và yêu cầu xử lý nghiêm các đối tượng. Số tiền các đối tượng đã bồi thường cho bị hại, cụ thể là: Lê Văn P bồi thường 30.000.000 đồng, Lê Văn Đ3 bồi thường 10.000.000 đồng, Lê Văn T3 bồi thường 40.000.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị can P, T1, T3, Đ3, N2 thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị can phù hợp với các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được.

Đối với Lương Đ3 L, là người mâu thuẫn, xô xát đánh nhau với Bùi Thành Đ1 nên đã gọi N2 đến, mục đích nhằm đánh lại Đ1. L không bàn bạc trước với các bị can, cũng như không có ý định đánh anh Lê Hữu T6. Việc P, T1, T3, Đ3, N2 đánh anh T6 nằm ngoài ý thức chủ quan của L nên L không đồng phạm với các bị can về tội “Giết người”.

Lương Đ3 L dùng chân đá vào người Đ1; Lương Tuấn N2 dùng chân đá, dùng dao đập vào người Bùi Thanh Đ1; Lê Văn T1, Lê Văn T3 có hành vi dùng tay chân đâm đá vào người Bùi Thanh Đ1, mặc dù không để lại thương tích trên cơ thể Đ1, Đ1 không đi điều trị ở cơ sở y tế nào, không đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra xử lý các đối tượng. Tuy nhiên, hành vi của L, N2, T1, T3 đã xâm hại sức khỏe người khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển hồ sơ đến Cơ quan có thẩm quyền để xử phạt hành chính các đối tượng liên quan.

Đối với Bùi Văn V: Là người đi cùng với nhóm của N2, T1 và T3. V không bàn bạc trước với nhóm của N2 về việc đánh anh T6, cũng không tham gia đánh Đ1, T6 mà vào can ngăn không cho mọi người đánh Đ1, T6 nên V không đồng phạm với P, T1, T3, Đ3, N2 về hành vi đánh anh T6.

Sự việc diễn ra lúc khoảng 00 giờ 30 phút ngày 26/10/2021 tại quán karaoke X và đoạn đường dân sinh giao nhau với đường liên xã. Tuy nhiên, trong quán không còn khách hát, sự việc diễn ra nhanh vào đêm khuya, Cơ quan

Cảnh sát điều tra không nhận được báo cáo của người dân cũng như chính quyền địa phương về việc gây mất an ninh trật tự tại địa . Do đó, không có dấu hiệu của tội “Gây rối trật tự công cộng” quy định tại Điều 318 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 10/01/2023, Tòa án nhân dân tỉnh C quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn P, Lê Văn T3, Lê Văn T1, Lương Tuấn N2 phạm tội “Giết người” .

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 15; Điều 17 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn P 15 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 15; Điều 17 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn T1 13 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 1, khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lương Tuấn N2 10 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 15; Điều 17; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 1, khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T3 09 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Văn Đ3; về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/01/2023, bị cáo Lê Văn Đ3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, ngày 17/2/2023, bị cáo Đ3 có đơn xin rút đơn kháng cáo. Tại Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 24/2023/QĐ-PT ngày 24/3/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Lê Văn Đ3, các quyết định đối với bị cáo Lê Văn Đ3 của Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh C có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm.

Ngày 12 và ngày 13/01/2023, các bị cáo Lê Văn T1, Lê Văn P, Lê Văn T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/01/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-P2 với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê Văn T3, Lương Tuấn N2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn T1, Lê Văn P rút toàn bộ kháng cáo; Lê Văn T3 giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-P2 ngày 18/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Lê Văn P, Lê Văn T3, Lê Văn T1, Lương Tuấn N2 về tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo P, T1 rút kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 342, 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự đình chỉ xét xử đối với các bị cáo P, T1. Đối với các bị cáo T3, N2 đều là vị thành niên nên đề nghị Hội đồng xét xử xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo T3, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và của người tiến hành tố tụng. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn P, Lê Văn T1 đã rút toàn bộ kháng cáo nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Văn P, Lê Văn T1 theo quy định của các điều 342, 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự, các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh C đối với các bị cáo Lê Văn P, Lê Văn T1 có hiệu lực pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Văn T3, Lương Tuấn N2 thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã mô tả và quy kết. Lời khai nhận tội của các bị cáo T3, N2 tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị cáo khác trong cùng vụ án, lời khai của bị hại, những

người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra, nên có đủ cơ sở xác định: Vào tối khuya ngày 25/10/2021, sau khi uống rượu cùng với Lê Văn P, Lê Văn T1, Lê Văn T3, Lê Văn Đ3, Bùi Văn V, Lương Tuấn N2 và anh Lê Văn Đ2 tại quán Karaoke X ở thôn E3, xã A, huyện B, tỉnh C do anh Đ2 làm chủ quán, Lường Đ3 L, Lê Hữu T6, Bùi Thanh Đ1 lấy phòng để hát karaoke; N2, T1, T3, V đi về nhà N2 để ngủ; còn Đ2, P và Đ3 tiếp tục ngồi uống nước tại quán Karaoke X. Trong lúc cùng hát karaoke, Đ1 mượn thắt lưng của L nhưng L không cho nên hai bên xảy ra xô xát đánh nhau và chạy từ phòng hát ra ngoài. Thấy vậy, P, Đ3 và anh Đ2 chạy vào can thì T6 túm cổ áo của P, xô đẩy P và Đ3 không cho can, T6 còn thách thức to tiếng với P nên P đã chạy xuống dưới bếp nhà anh Đ2 lấy dao định chém T6 nhưng được anh Đ2 can ngăn nên P thôi không chém T6 nữa. Khi ra về, P bực tức và có nói với Đ3 đứng đợi T6 để đánh cảnh cáo T6. Đ3 sang bên kia đường nhặt một đoạn cành cây vải, P cầm lấy cành cây từ tay Đ3 và hỏi Đ3 có hung khí gì chưa, Đ3 nói là có rồi (cây gậy rút ba khúc mà Đ3 đã mang sẵn bên người) và cùng đứng đợi T6 ở bên đường. Sau khi xô xát với Đ1, L đã gọi cho N2 (là anh họ của L) lên giúp đỡ về việc L bị Đ1 đánh. Sau khi nghe L gọi, N2 đã chuẩn bị 01 con dao và gọi T1, T3, V đi cùng. T1, T3 biết việc N2 mang dao và biết việc N2 gọi lên để giúp L. Sau đó, N2, T1, T3, V cùng đi đến cách quán Karaoke X khoảng 200m thì gặp P và Đ3 đang đứng bên đường. Nhóm N2 hỏi P, Đ3 là Đ1 đang ở đâu thì P, Đ3 nói “Chờ tý, đang xuống”. T1, T3 nhìn thấy P, Đ3 có gậy trên tay thì cũng lại đóng cũi khô bên đường mỗi người nhặt 01 đoạn cành cây vải và cầm sẵn trên tay. Khoảng 10 phút sau thì nhóm của L đi đến, L đi xe máy trước, còn T6 đi 01 xe máy chở Đ1. Thấy T6, P đứng ra đường chặn xe của T6, rồi đập 02 cái vào hông, dùng gậy đập 01 cái ngang ngực T6 làm T6 ngã nghiêng xuống đất, xe máy đè lên chân của T6, Đ1. P đập tiếp 01 cái vào lưng, đá vào người T6. T1, T3 lao vào đám, đá Đ1; sau đó dùng gậy đánh liên tiếp nhiều cái vào người T6. Đ3 chạy lại vung gậy baton (gậy sắt rút 3 khúc) đánh T6 nhưng không trúng thì bị rơi đoạn đầu của gậy ra. N2 chạy lại cầm dao đập 02 cái vào người Đ1, đá Đ1 một cái, quay sang thấy mọi người đang đánh T6, N2 dùng chân phải đá hai cái vào vùng lưng của T6. Lúc này, L quay lại và đá vào lưng của Đ1, sau đó L cùng với V can ngăn mọi người không cho đánh T6 nữa. L, V đỡ T6 và Đ1 đứng dậy rồi cả nhóm bỏ về. Đ1 đi xe máy chở T6 ngồi sau về nhà T6 ở thôn E4, xã A. Theo kết luận giám định thì anh T6 làm T6 bị sưng nề tụ máu dưới da đầu kích thước 4 x 3cm vùng thái dương đỉnh trái, chấn thương sọ não, tổn thương tụ máu ngoài màng cứng vùng trán đỉnh hai bên, vỡ xương trán, đường vỡ lan qua khớp trán đỉnh, liệt ½ người bên phải, hôn mê chi giác 6 điểm, bị tổn hại 87% sức khỏe.

[4] Như vậy, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất (bực tức vì bị anh T6 ngăn cản việc P và Đ3 can ngăn mâu thuẫn giữa L và Đ1 nên nảy sinh thù hằn, chuẩn bị hung khí đứng đợi anh T6 ở bên ngoài quán Karaoke X và đánh anh T6); T1, T3, N2 đều không có mâu thuẫn với anh T6 nhưng vô cớ xông vào đánh anh T6. Các bị cáo đã dùng tay chân đấm đá, dùng gậy gỗ đánh liên tiếp vào vùng trọng yếu trên cơ thể của anh T6 làm anh T6 bị tổn hại 87% sức khỏe. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được việc dùng gậy gỗ, chân tay đánh liên tiếp vào người anh T6 là nguy hiểm đến tính mạng, nhưng vẫn thực hiện, bỏ mặc hậu quả xảy ra. Anh T6 không chết là do được cấp cứu kịp thời. Hành vi của các bị cáo là côn đồ, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường tính mạng của người khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo T3, N2 về tội “Giết người” (chưa đạt) quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng của con người là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, nên cần xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, trên cơ sở xem xét, đánh giá vai trò, vị trí, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

[6] Đối với bị cáo N2: Khi được L gọi điện về việc L đang xô xát với Đ1 ở quán hát Karaoke X, bị cáo N2 đã chuẩn bị dao và gọi T1, T3, V đi cùng. Khi thấy P đập được anh T6 xuống đất thì N2 cũng xông lại đánh Đ1, thấy mọi người đánh anh T6 thì N2 cũng đập vào người anh T6 hai phát. Như vậy, N2 là người tiếp nhận ý chí của L về việc đi đánh nhau, N2 không có mâu thuẫn với anh T6 nhưng khi thấy nhóm của P đánh anh T6 thì N2 cũng đánh anh T6 nên N2 có vai trò thứ hai trong vụ án.

[7] Đối với bị cáo T3: Bị cáo T3 được bị cáo N2 gọi đi để giải quyết mâu thuẫn giữa L với Đ1. Bị cáo T3 không có xích mích thù hằn với anh T6 nhưng khi đánh Đ1 đã tiếp tục lao vào đánh anh T6 nên bị cáo T3 có vai trò thứ ba trong vụ án.

[8] Các bị cáo T3 và N2 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm đều thành khẩn khai nhận tội; các bị cáo T3 và N2 đều là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật còn hạn chế, đều được gia đình bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo T3 có ông nội là tham gia kháng chiến chống Mỹ; bị cáo N2 có bố đẻ là bộ đội xuất ngũ. Do đó, các bị cáo T3 và N2 đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T3 đã bồi thường được 40.000.000 đồng cho bị hại nên

được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T3 và N2 đều phạm tội chưa đạt (người bị hại chưa chết) và khi phạm tội chưa đủ tuổi thành niên (thuộc trường hợp từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi) nên đều được áp dụng khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự và các quy định của người chưa thành niên phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 101, các khoản 1, 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các quy định pháp luật nêu trên đối với các bị cáo T3 và N2 là có căn cứ. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo T3 và N2, Tòa án cấp sơ thẩm lại thực hiện không đúng quy định tại khoản 1 Điều 101, các khoản 1, 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự và xử phạt các bị cáo T3 và N2 mức hình phạt nặng hơn mức hình phạt mà khoản 1 Điều 101, các khoản 1, 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự đã quy định. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị cáo T3 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng phần quyết định lại không áp dụng cho bị cáo T3 là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử phúc thẩm bổ sung tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo T3 cho đầy đủ; và việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định các bị cáo T3 và N2 thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng phần nhận định lại xác định các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là không chính xác cũng cần rút kinh nghiệm (phần quyết định Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là đúng).

[9] Các bị cáo T3 và N2 đều phạm tội chưa đạt, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự (trong đó, bị cáo T3 có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo T3 có 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự); và như đã nêu trên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo T3 và N2, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo T3 và N2 mức hình phạt nặng hơn mức hình phạt mà khoản 1 Điều 101, các khoản 1, 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự đã quy định. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T3 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C về việc giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T3, N2.

[10] Do vậy, đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo T3, N2 là chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo T3, N2 và ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát là chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C về việc giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo T3, N2, là có cơ sở nên được chấp nhận.

[11] Các bị cáo P, T1 đã rút toàn bộ kháng cáo và Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo P, T1 nên các bị cáo P, T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo T3, N2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342, Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm g, h khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Lê Văn P và Lê Văn T1. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 10/01/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh C đối với các bị cáo Lê Văn P, Lê Văn T1 có hiệu lực pháp luật.

2. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Văn T3 và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-P2 ngày 18/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh C về việc giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Lê Văn T3, Lương Tuấn N2, sửa một phần quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2023/HS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh C đối với các bị cáo Lê Văn T3, Lương Tuấn N2.

2.1. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 17; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 1, khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lương Tuấn N2 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2022.

2.2. Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 3 Điều 57; Điều 38; Điều 15; Điều 17; Điều 91; Điều 98; khoản 1 Điều 101; khoản 1, khoản 3 Điều 102 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Văn T3 07 (Bảy) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày 12/8/2022.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Văn P, Lê Văn T1 Lê Văn T3, Lương Tuấn N2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- Công an tỉnh C;
- Trại tạm giam Công an tỉnh C;
- Cục THADS tỉnh C;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Bị hại, ĐDBH (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Minh Tuấn